

CÔNG TY CỔ PHẦN VICOSTONE

Số: 24 /2019 CV/VCS-QHCD

V/v: Giải trình chênh lệch báo cáo kết quả kinh doanh Quý I năm 2019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 4 năm 2019

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán
- Quý cổ đông

Công ty Cổ phần Vicostone ("Công ty") mã CK: VCS xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Ủy ban chứng khoán Nhà Nước, Sở giao dịch chứng khoán và Quý cổ đông trong thời gian qua.

Công ty giải trình biến động trên báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh Quý I năm 2019 so với Quý I năm 2018 chi tiết như sau:

I. Chênh lệch một số chỉ tiêu trên báo cáo kết quả kinh doanh

Đơn vị tính: Việt Nam Đồng

Mã số	Chỉ tiêu	Quý I.2019	Quý I.2018	Chênh lệch	% chênh lệch
10	Doanh thu thuần	1,131,886,735,541	965,573,148,525	166,313,587,016	17.22
11	Giá vốn hàng bán	775,234,686,557	673,634,230,914	101,600,455,643	15.08
20	Lợi nhuận gộp về BH và CCDV	356,652,048,984	291,938,917,611	64,713,131,373	22.17
21	Doanh thu hoạt động tài chính	6,832,164,954	7,785,795,072	(953,630,118)	(12.25)
22	Chi phí tài chính	9,315,237,992	12,461,340,673	(3,146,102,681)	(25.25)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	8,816,411,384	6,831,951,523	1,984,459,861	29.05
25	Chi phí bán hàng	35,361,786,592	20,970,376,021	14,391,410,571	68.63
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	12,832,398,315	11,438,785,217	1,393,613,098	12.18
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	305,974,791,039	254,857,305,273	51,117,485,766	20.06
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	46,254,895,238	36,308,365,906	9,946,529,332	27.39
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	259,719,895,801	218,548,939,367	41,170,956,434	18.84



II. Nguyên nhân biến động

1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ của công ty tăng 166,313,587,016 đồng (17.22%) so với cùng kỳ năm trước, nguyên nhân chủ yếu do doanh thu thành phẩm tăng 301,677,468,842 đồng (40.55%); doanh thu nguyên vật liệu, phụ tùng giảm 135,363,881,826 đồng (-61.10%)

2. Lượng hàng bán ra tăng lên làm cho giá vốn cũng tăng: Giá vốn hàng bán tăng 101,600,455,643 đồng (15.08%) trong đó: Giá vốn của thành phẩm tăng: 225,192,621,708 đồng; giá vốn của nguyên vật liệu, phụ tùng giảm: 125,535,360,824 đồng

3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 64,713,131,373 đồng (22.17%), chủ yếu do:

- Lợi nhuận gộp của thành phẩm bán ra tăng 76,484,847,134 đồng (27.79%),
- Lợi nhuận gộp về bán nguyên vật liệu, phụ tùng giảm 9,828,521,002 đồng (-66.55%).

4. Doanh thu hoạt động tài chính giảm 953,630,118 đồng (-12.25%), nguyên nhân do:

- Lãi tiền gửi, tiền cho vay giảm 3,492,788,428 đồng (-78.94%)
- Lãi chênh lệch tỷ giá tăng 2,539,158,310 đồng (75.55%)

5. Chi phí tài chính giảm 3,146,102,681 đồng (-25.25%) nguyên nhân chủ yếu do lỗ chênh lệch tỷ giá giảm -5,130,562,542 đồng (-91.14%)

6. Chi phí bán hàng tăng 14,391,410,571 đồng chủ yếu do chi phí vật liệu và dịch vụ cho công tác bán hàng tăng lên, cụ thể:

- Chi phí vật liệu, dụng cụ bán hàng tăng: 3,165,828,750 đồng
- Chi phí dịch vụ mua ngoài tăng: 9,679,658,459 đồng.
- Chi phí bằng tiền khác tăng: 1,531,147,101 đồng

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng: 1,393,613,098 đồng, nguyên nhân chủ yếu do chi phí nhân viên quản lý tăng 1,689,709,317 đồng.

8. Lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty tăng 20.06% nhưng lợi nhuận sau thuế tăng 18.84 % so với cùng kỳ năm trước, nguyên nhân do chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tăng 9,946,529,332 đồng. Tỷ lệ % thuế thu nhập doanh nghiệp/ lợi nhuận kế toán trước thuế quý I năm 2019 là 15.1%, cùng kỳ năm trước là 14.2%.

Như vậy, tổng lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty tăng 51,117,485,766 đồng (20.06%); lợi nhuận sau thuế tăng: 41,170,956,434 đồng (18.84 %) so với cùng kỳ năm trước do các nguyên nhân: Doanh thu của thành phẩm tăng, chi phí tài chính giảm.

Xin chân thành cảm ơn./ *Dang*

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Ban QHCB,
- Lưu VT, TCKT



TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Anh Tuấn

